Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang
Cơ quan: Tỉnh Hà Giang
Thời gian ký: 25.08.2020 08:20:40 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 417/BC-UBND	*Hà Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2020*

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công, CCB nghèo, hộ nghèo trên địa bàn tỉnh đến ngày 21/8/2020

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 25/7/2019 của Ban chỉ đạo thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở kiên cố cho người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Hà Giang,

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở kiên cố cho người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến ngày 21/8/2020 như sau:

1. Kết quả tiếp nhận kinh phí hỗ trợ:

1.1. Tổng kinh phí các đơn vị, cá nhân đăng ký cam kết hỗ trợ là 230,278 tỷ đồng.

1.2. Kinh phí hỗ trợ Chương trình của các đơn vị, cá nhân chuyển vào tài khoản của Sở Lao động - TB&XH đến ngày 21/8/2020 là 153,992 tỷ đồng.

1.3. Số kinh phí các đơn vị, cá nhân cam kết tài trợ chưa chuyển tiền là 71,28 tỷ đồng.

1.4. Số kinh phí các đơn vị đã hỗ trợ trực tiếp cho các huyện là 5.006 tỷ đồng.

1.5. Kinh phí Sở LĐ-TB&XH đã chuyển cho các huyện hỗ trợ: 151,56 tỷ đồng *(tương đương hỗ trợ 2.526 nhà).*

1.6. Số kinh phí còn dư trên tài khoản là 2.465,1 triệu đồng. Trong đó: Số dư kinh phí các đơn vị ủng hộ chương trình là 2.432,68 triệu đồng; số còn lại là số dư cũ của Sở LĐ-TB&XH thuộc chương trình khác *(trước khi phát động ủng hộ chương trình).*

Như vậy ngoài số tiền ủng hộ còn dư trên tài khoản Sở Lao động - TB&XH (hỗ trợ được 40 nhà), số nhà Ban chỉ đạo tỉnh còn phải hỗ trợ là 203 nhà (bao gồm cả số vượt chỉ tiêu 112 nhà), với số kinh phí còn cần phải huy động là 12,180 tỷ đồng.

2. Kết quả triển khai thực hiện tại các huyện, thành phố:

2.1. Năm 2019, toàn tỉnh đã có 1.402 hộ gia đình đã triển khai xây dựng nhà ở, bao gồm: 153 hộ gia đình chính sách người có công, 368 hộ cựu chiến binh nghèo, 723 hộ nghèo xã biên giới và 158 hộ nghèo xã nội địa *(trong đó số hộ hỗ trợ từ nguồn của Ban chỉ đạo tỉnh là 1.218 hộ, bao gồm: 148 hộ gia đình chính sách người có công, 365 hộ cựu chiến binh nghèo và 705 hộ nghèo xã biên giới*), còn lại là do các ngành, các huyện tự vận động; đã hoàn thành.

2.2. Năm 2020: Tính đến ngày 21/8/2020, đã có đã có 1.878 hộ khởi công xây dựng, gồm: 61 hộ gia đình chính sách người có công, 108 hộ cựu chiến binh nghèo, 792 hộ nghèo xã biên giới, 66 hộ nghèo thuộc xã NTM năm 2020 và 851 hộ nghèo xã nội địa.

* Luỹ kế toàn tỉnh đã có **3.280 hộ** gia đình đã triển khai xây dựng nhà ở, gồm: 214 hộ gia đình chính sách người có công, 476 hộ cựu chiến binh nghèo, 1.515 hộ nghèo xã biên giới, 66 hộ nghèo thuộc xã NTM và 1.009 hộ nghèo xã nội địa, cụ thể:

- Số hộ hỗ trợ từ nguồn của Ban chỉ đạo tỉnh là 2.769 hộ/2.657 chỉ tiêu giao *(các huyện đã khởi công hoàn thành chỉ tiêu tỉnh giao, riêng huyện Vị Xuyên khởi công vượt quá 76 hộ, Xín Mần vượt quá 36 hộ),* bao gồm: 196 hộ gia đình chính sách người có công, 460 hộ cựu chiến binh nghèo, 1.476 hộ nghèo xã biên giới, 65 hộ nghèo thuộc xã NTM và 572 hộ nghèo xã nội địa.

- Số hộ các huyện và các ngành đã tự vận động nguồn lực tổ chức triển khai hỗ trợ là 371 hộ.

- Số hộ thuộc chương trình nhà Đại đoàn kết do Ủy ban MTTQ tỉnh triển khai: 140 hộ.

* Đến ngày 21/8/2020, toàn tỉnh đã có **2.902 hộ** đã hoàn thành, trong đó:

- Số hộ hỗ trợ từ nguồn của Ban chỉ đạo tỉnh là 2.499 hộ *(trong đó có: 195 hộ gia đình chính sách người có công, 460 hộ cựu chiến binh nghèo, 1.374 hộ nghèo xã biên giới, 58 hộ nghèo xã NTM và 412 hộ nghèo xã nội địa).*

- Số hộ các huyện và các ngành đã tự vận động nguồn lực tổ chức triển khai hỗ trợ: 321 hộ.

- Số hộ thuộc chương trình Đại đoàn kết do Ủy ban MTTQ tỉnh triển khai: 82 hộ.

(có biểu báo cáo tiến độ kèm theo)

3. Phương hướng, nhiệm vụ tiếp theo:

3.1. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ tiến độ triển khai thực hiện thực tế của các huyện, tham mưu cho Ban chỉ đạo tỉnh tiếp tục phân bổ số kinh phí hiện có trong tài khoản của Chương trình để kịp thời hỗ trợ cho Ban chỉ đạo các huyện tổ chức thực hiện.

3.2. Các ngành thành viên Ban chỉ đạo tỉnh chưa có báo cáo kết quả kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện đối với các huyện (gồm các ngành: Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh đối với huyện Bắc Mê; Ủy ban MTTQ tỉnh đối với huyện Quang Bình; Hội chữ thập đỏ đối với thành phố Hà Giang):

Khẩn trương thực hiện Công văn số 2529/UBND-KTTH ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh về việc kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho gia đình chính sách, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh, hoàn thành báo cáo gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 26/8/2020 để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy - Trưởng BCĐ (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh - Phó Trưởng BCĐ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Các ngành thành viên BCĐ 1953-QĐ/TU;
- Huyện ủy các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Vnptioffice;
- LĐVP (CVP, PVP_{ptk});
- Lưu: VT, KTTH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Trần Đức Quý

Biểu 01

BIỂU TỔNG HỢP BÁO CÁO TIẾN ĐỘ LÀM NHÀ Ở ĐẾN NGÀY 21/8/2020

(Kèm theo Báo cáo số 417/BC-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Huyện, TP	Phân loại hộ đã, đang làm nhà ở						Trong đó						Tổng số hộ đã hoàn thành
		Tổng số hộ đã triển khai	Chia theo đối tượng					Số nhà theo Chương trình Tỉnh ủy		Số nhà Đại đoàn kết		Số nhà các huyện, các ngành tự huy động		
			Hộ người có công	*Hộ CCB nghèo*	*Hộ nghèo xã biên giới*	*Hộ nghèo xã NTM*	*Hộ nghèo xã nội địa*	*Số nhà đã triển khai*	*Số nhà đã hoàn thành*	*Số nhà đã triển khai*	*Số nhà đã hoàn thành*	*Số nhà đã triển khai*	*Số nhà đã hoàn thành*	
A	*B*	*1=2+..+6*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13=8+10+12*
1	Mèo Vạc	**414**	4	29	280	21	80	346	307	11	11	57	54	**372**
2	Đồng Văn	**420**	2	15	364		39	369	354	12	9	39	31	**394**
3	Yên Minh	**378**	7	38	242		91	296	278	15	8	67	59	**345**
4	Quản Bạ	**275**	11	25	189		50	251	228	11	10	13	4	**242**
5	Hoàng Su Phì	**449**	20	174	147	7	101	423	420	13	3	13	9	**432**
6	Xín Mần	**516**	7	77	170	13	249	481	400	11	11	24	24	**435**
7	Vị Xuyên	**381**	34	44	123	9	171	297	229	10	10	74	64	**303**
8	Quang Bình	**160**	22	29		15	94	90	77	18	8	52	49	**134**
9	Bắc Quang	**182**	99	32		1	50	145	135	17	5	20	16	**156**
10	Bắc Mê	**94**	3	12			79	71	71	17	6	6	6	**83**
11	Thành phố HG	**11**	5	1			5	-		5	1	6	5	**6**
	Tổng cộng	**3.280**	**214**	**476**	**1.515**	**66**	**1.009**	**2.769**	**2.499**	**140**	**82**	**371**	**321**	**2.902**

Biểu 02

BIỂU TỔNG HỢP BÁO CÁO TIẾN ĐỘ LÀM NHÀ Ở NGUỒN HỖ TRỢ TỪ BAN CHỈ ĐẠO TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 417/BC-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Huyện, TP	Chỉ tiêu giao tại Công văn số 1540/UBND-KTTH để đủ 3.000 nhà	Số nhà đã khởi công đến thời điểm hiện nay	Kinh phí tỉnh đã cấp cho các huyện		Số nhà còn cần hỗ trợ các huyện (theo thực tế đã khởi công, bao gồm cả số vượt chỉ tiêu giao của các huyện VX, XM)		Trong đó			
								Số tiền còn phải cấp cho các huyên theo chỉ tiêu giao tại Công văn số 1540/UBND-KTTH để đủ 3.000 nhà		*Số nhà vượt chỉ tiêu*	
				Số nhà	Số tiền (tr.đ)	Số nhà	Số tiền (tr.đ)	Số nhà	Số tiền (tr.đ)	Số nhà	Số tiền (tr.đ)
A	*B*		*1*	*3*	*4*	*5=1-2-3*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Mèo Vạc	346	346	346	20.760	-	-	-	-	-	-
2	Đồng Văn	369	369	356	21.360	13	780	*13*	*780*	-	-
3	Yên Minh	296	296	288	17.280	8	480	*8*	*480*	-	-
4	Quản Bạ	251	251	220	13.200	31	1.860	*31*	*1.860*	-	-
5	Hoàng Su Phì	423	423	416	24.960	7	420	*7*	*420*	-	-
6	Xín Mần	445	481	373	22.380	108	6.480	*72*	*4.320*	*36*	*2.160*
7	Vị Xuyên	221	297	221	13.260	76	4.560	-	-	*76*	*4.560*
8	Quang Bình	90	90	90	5.400	-	-	-	-	-	-
9	Bắc Quang	145	145	145	8.700	-	-	-	-	-	-
10	Bắc Mê	71	71	71	4.260	-	-	-	-	-	-
11	Thành phố HG					-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		**2.657**	**2.769**	**2.526**	**151.560**	**243**	**14.580**	***131***	***7.860***	***112***	***6.720***